



ĐĂNG KÍ VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER



GIỚI THIỆU

CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU HIỆU QUẢ HIỆN NAY CỦA VIỆT NAM

PHAN NGỌC BÍCH

E-mail: bichpn@vr.org.vn

Phòng KHCN&MT – Cục ĐKVN

Dedicated to Safety and Environment Protection

Nội dung chính

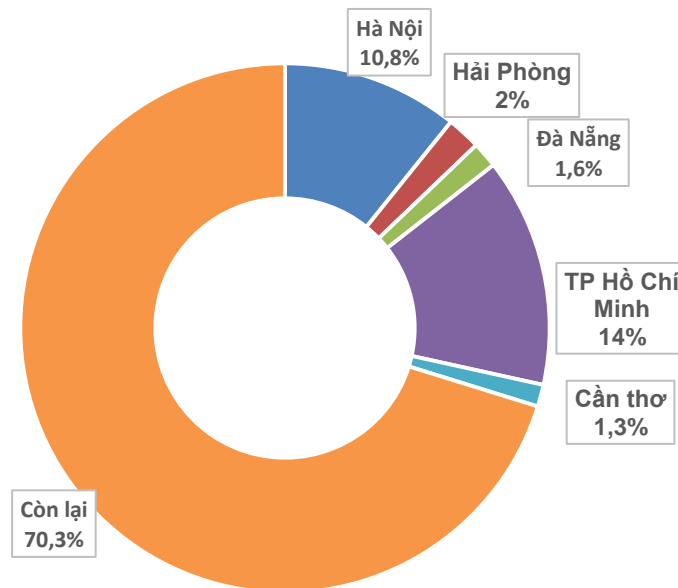
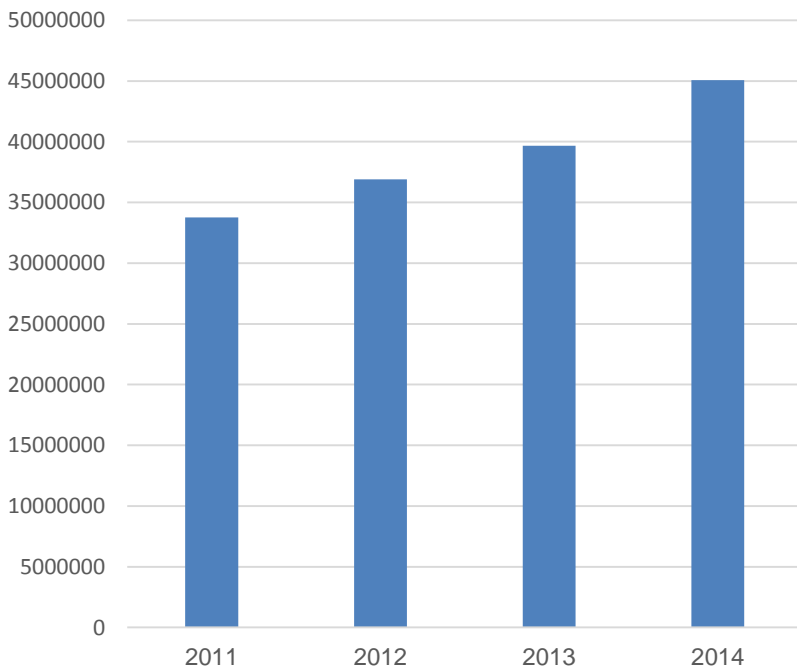
- 1. Hiện trạng sử dụng xe cơ giới, dán nhãn năng lượng và nhiên liệu sử dụng**
- 2. Chính sách kiểm soát khí thải và tiết kiệm nhiên liệu xe cơ giới ở Việt Nam**
- 3. Hệ thống tổ chức quản lý, kiểm soát khí thải và tiết kiệm nhiên liệu xe cơ giới**

1. Hiện trạng sử dụng xe cơ giới, dán nhãn năng lượng và sử dụng nhiên liệu

1.1 Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

1.1.1 Xe mô tô, xe gắn máy

Số lượng xe mô tô đang lưu hành

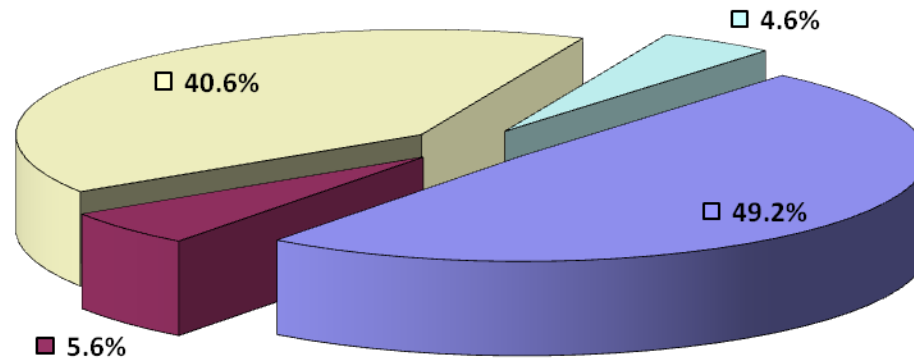


1. Hiện trạng sử dụng xe cơ giới, dán nhãn năng lượng và sử dụng nhiên liệu

1.1 Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

1.1.2 Xe ô tô

Số lượng ô tô các loại đang lưu hành, năm 2015



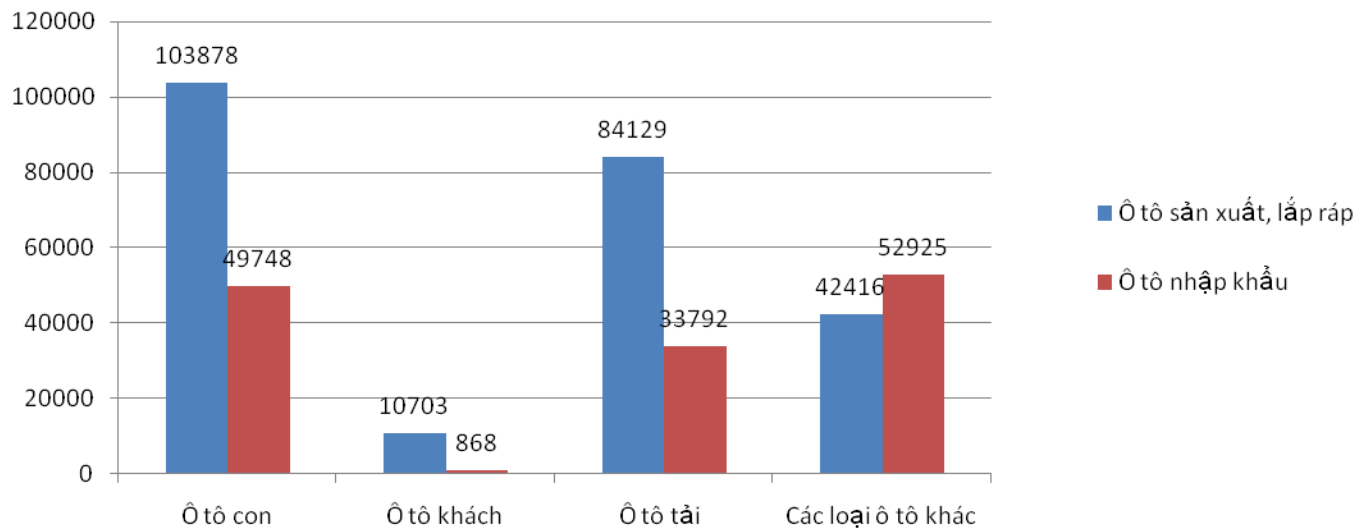
■ Ô tô con ■ Ô tô khách ■ Ô tô tải ■ Các loại xe khác

1. Hiện trạng sử dụng xe cơ giới, dán nhãn năng lượng và sử dụng nhiên liệu

1.1 Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

1.1.2 Xe ô tô

Số lượng xe ô tô lắp ráp nhập khẩu năm 2015

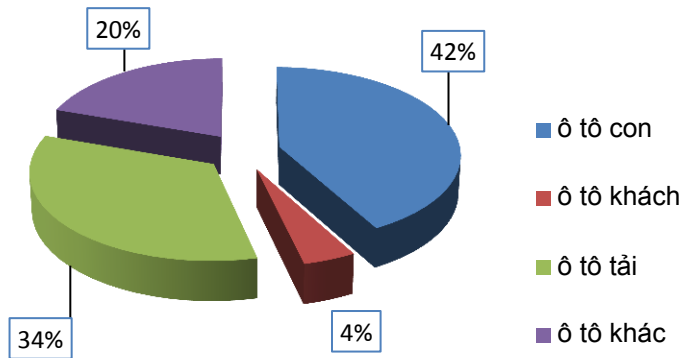


1. Hiện trạng sử dụng xe cơ giới, dán nhãn năng lượng và sử dụng nhiên liệu

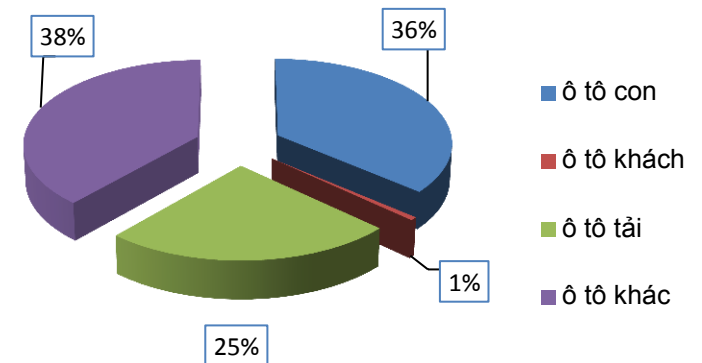
1.1 Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

1.1.2 Xe ô tô

Số lượng xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước năm 2015



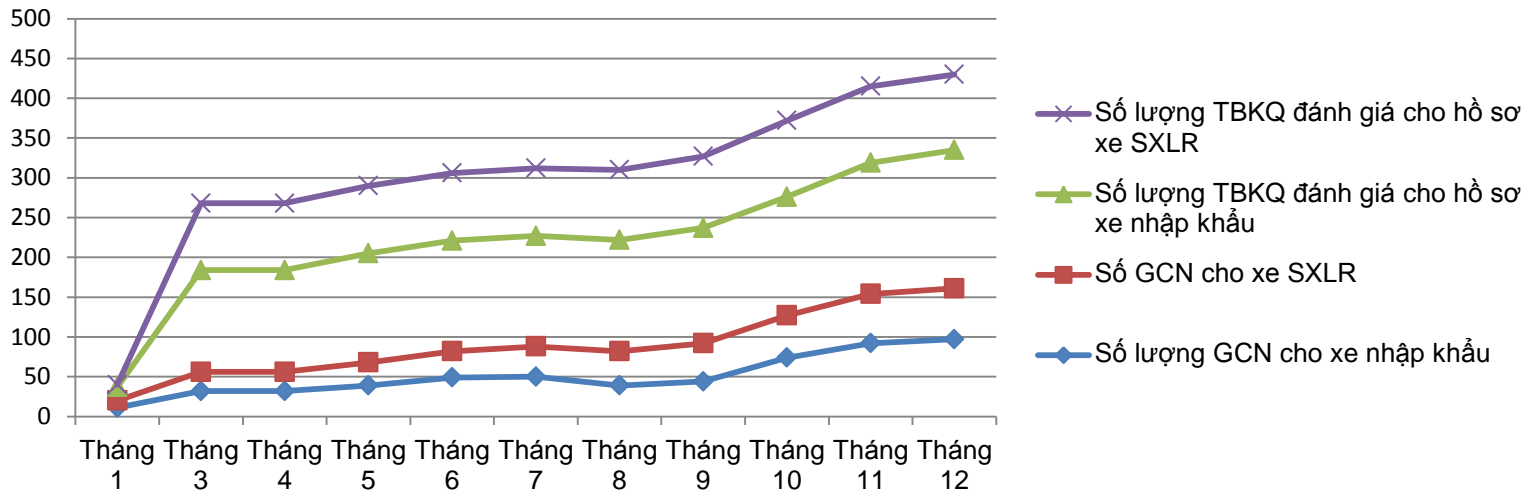
Số lượng xe ô tô nhập khẩu năm 2015



1. Hiện trạng sử dụng xe cơ giới, dán nhãn năng lượng và sử dụng nhiên liệu

1.2 Dán nhãn năng lượng xe ô tô dưới 7 chỗ

Số lượng xe ô tô dưới 7 chỗ được dán nhãn năng lượng, năm 2015



<i>Loại chứng chỉ</i>	<i>Ô tô nhập khẩu</i>	<i>Ô tô SXL</i>	<i>Tổng cộng</i>
Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu	97	64	161
Thông báo kết quả đánh giá hồ sơ chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu	174	95	269
Tổng số			430

1. Hiện trạng sử dụng xe cơ giới, dán nhãn năng lượng và sử dụng nhiên liệu

1.3 Nhiên liệu cho xe cơ giới và khả năng cung ứng

1.3.1 Nhiên liệu truyền thống :

- Xăng không chì

Tên chỉ tiêu		Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Trị số octan (RON)	min.	90/92/95	92/95/98	92/95/98
2. Hàm lượng chì, g/L	max.	0,013	0,013	0,005
4. Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	max.	500	150	50
5. Hàm lượng benzen, % thể tích	max.	2,5	2,5	1,0
6. Hydrocacbon thơm, % thể tích	max.	40	40	40

- Nhiên liệu Diesel

Tên chỉ tiêu		Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	max.	500	350	50
2. Xêtan	min.			
- Trị số xêtan		46	48	50
- Chỉ số xêtan ¹⁾		46	48	50
5. Độ nhớt động học tại 40 °C, mm ² /s		2,0 - 4,5	2,0 - 4,5	2,0 - 4,5
7. Hàm lượng nước, mg/kg	max.	200	200	200

1. Hiện trạng sử dụng xe cơ giới, dán nhãn năng lượng và sử dụng nhiên liệu

1.3.2 Nhiên liệu mới và nhiên liệu thay thế:

- Xăng E5

Tên chỉ tiêu		Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Trị số ốctan (RON)	min.	90/92/95	92/95/98	92/95/98
2. Hàm lượng chì, g/L	max.	0,013	0,013	0,005
4. Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	max.	500	150	50
5. Hàm lượng benzen, % thể tích	max.	2,5	2,5	1,0
9. Hàm lượng etanol, % thể tích		4 - 5	4 - 5	4 - 5
10. Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L	max.	5	5	5

- Xăng E10

Tên chỉ tiêu		Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Trị số ốctan (RON)	min.	90/92/95	92/95/98	92/95/98
2. Hàm lượng chì, g/L	max.	0,013	0,013	0,005
4. Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	max.	500	150	50
5. Hàm lượng benzen, % thể tích	max.	2,5	2,5	1,0
9. Hàm lượng etanol, % thể tích		9 - 10	9 - 10	9 - 10
11. Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L	max.	5	5	5

1. Hiện trạng sử dụng xe cơ giới, dán nhãn năng lượng và sử dụng nhiên liệu

1.3.2 Nhiên liệu mới và nhiên liệu thay thế:

- Nhiên liệu Diesel B5

Tên chỉ tiêu	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg max.	500	350	50
2. Trị số xêtan min.	46	48	50
8. Hàm lượng chất thơm đa vòng (PAH), % khối lượng max.	-	11	11
9. Hàm lượng metyl este axit béo (FAME), % thể tích	4 - 5	4 - 5	4 - 5

- LPG, CNG

- Ước tính : 1.000 xe ô tô sử dụng nhiên liệu LPG
- Xe ô tô buýt và xe ô tô taxi
- Vẫn được trang bị hệ thống song nhiên liệu
- Nhiên liệu CNG mới được nghiên cứu thí điểm .

1. Hiện trạng sử dụng xe cơ giới, dán nhãn năng lượng và sử dụng nhiên liệu

1.3.3 Khả năng cung ứng nhiên liệu

- Nhập khẩu

- Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 9,04 triệu tấn
- Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam tính đến 11/2015: chủ yếu có xuất xứ từ: Singapo với 3,45 triệu tấn; Thái Lan với 2,03 triệu tấn; Trung Quốc: 1,46 triệu tấn; Đài Loan: 779 nghìn tấn, ...
- 03 đầu mối đang chiếm thị phần lớn là Petrolimex; Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) và Công ty TNHH MTV Dầu khí TPHCM (Saigon Petro).

- Sản xuất trong nước

- Nhà máy chế biến condensate của SaigonPetrol
- Nhà máy chế biến condensate của Petro Vietnam
- Nhà máy lọc dầu Dung Quất
- Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn

2. Chính sách kiểm soát khí thải và tiết kiệm nhiên liệu xe cơ giới ở Việt Nam

2.1 Nâng cao chất lượng nhiên liệu và sử dụng nhiên liệu, năng lượng thay thế

- Quyết định 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005
- Quyết định 53/2012/QĐ-TTg ngày 22/11/2012

2.2 Kiểm soát xe mới được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu

- Quyết định 49/2011/QĐ-TTg ngày 1/9/2011
- Thông tư 45/2014/TT-BGTVT ngày 3/10/2014 (QCVN77:2014/BGTVT)
- Thông tư 33/2015/TT-BGTVT ngày 24/7/2015 (QCVN 86:2015/BGTVT)
- Thông tư liên tịch 43/2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày 24/9/2014
- Thông tư 22/2015/TT-BKHHCN ngày 11/11/2015 (QCVN1:2015/BKHHCN)

2.3 Sử dụng công cụ kinh tế, biện pháp hành chính đối với xe và nhiên liệu

- Luật thuế bảo vệ môi trường 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010
- Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Nghị định 108/2015/QĐ-CP ngày 28/10/2015 ; Thông tư 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015
- Nghị định 95/2009/NĐ-CP ngày 30-10-2009 quy định niên hạn sử dụng đối với các loại ô tô chở hàng và ô tô chở người và Thông tư hướng dẫn số 21/2010/TT-BGTVT ngày 10/8/2010 của Bộ Giao thông vận tải



3. Hệ thống tổ chức quản lý, kiểm soát khí thải và tiết kiệm nhiên liệu xe cơ giới

- **Bộ Tài nguyên và Môi trường**
- **Bộ Công thương**
- **Bộ Giao thông vận tải**
- **Bộ Khoa học và Công nghệ**
- **Bộ Tài chính**
- **Bộ Công an**



ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!